

DANH SÁCH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH THEO NGHỊ ĐỊNH 154/2025/NĐ-CP
NGÀY 15/6/2025 CỦA CHÍNH PHỦ (đợt 2)

(ĐỐI VỚI NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ)

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/ Chức danh	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ
1	2	3	4	5	8	9
I	Người có dưới 5 năm công tác (Điểm a khoản 1 điều 9)					
1	Lê Thị Tường Vi	Nữ	28/08/2001	Phó BT Đoàn	06/01/2025	30/05/2026
2	Lê Thị Hằng	Nữ	10/05/1990	Phó CT hội LHPN	17/06/2016	30/05/2026
3	Đậu Đình Tư	Nam	02/06/1992	Phó BT Đoàn	10/05/2022	30/05/2026
4	Mai Văn Tuấn	Nam	12/09/1997	Phó BT Đoàn	04/08/2021	30/05/2026
II	Người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (Điểm c khoản 1 điều 9)					
5	Hồ Thị Ngọc	Nữ	23/04/1989	BCT Văn hóa- Xã hội	25/10/2010	30/05/2026
6	Lê Công Hạnh	Nam	22/02/1984	BCT Văn hóa- Xã hội	30/03/2013	30/05/2026
7	Đình Thị Vân	Nữ	18/10/1979	BCT Văn hóa- Xã hội	18/12/2004	30/05/2026
8	Nguyễn Văn Hùng	Nam	10/10/1971	BCT Văn hóa- Xã hội	24/12/2019	30/05/2026
9	Lê Viết Thảo	Nữ	20/08/1992	Phó CH trưởng QS	01/11/2018	30/05/2026
10	Phạm Thị Trúc	Nữ	01/06/1988	BCT Văn hóa- Xã hội	20/09/2015	30/05/2026
11	Đỗ Viết Đạt	Nam	06/8/1991	Phó CH trưởng QS	18/12/2018	30/05/2026
12	Phạm Thị Hồng	Nữ	20/06/1985	Phó BT Đoàn	01/09/2010	30/05/2026
III	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đủ tuổi nghỉ hưu (Khoản 2 điều 9)					
13	Lê Duy Hòa	Nam	19/05/1965	Phó CT Hộ CCB	24/04/2017	30/05/2026

Danh sách này gồm có 13 người

TT	Họ và tên	Giới tính	Tháng, năm sinh	Chức vụ/Chức danh	Hệ số	Phụ cấp hiện hưởng (1000 đồng)	Thời gian bắt đầu công tác ở chức danh NHDKCT ở cấp xã	Thời điểm nghỉ	Số tháng nghỉ sớm so với 135	Tuổi khi nghỉ việc		Thời gian công tác ở chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã		Thời gian công tác ở các vị trí việc làm khác		Tổng thời gian công tác		Các khoản trợ cấp được hưởng			Tổng số tiền trợ cấp được hưởng (1000 đồng)	Lý do tính gián																					
										Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Năm	Tháng	Trợ cấp 1 lần	Trợ cấp cho mỗi năm công tác	Trợ cấp để tìm việc làm																							
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21 = 18+19+20	22																					
TỔNG CỘNG																																								3,385,631.800			
NGHI THỜI ĐIỂM 1/7/2026																																									1,581,783.800		
I	Đối với người có dưới 5 năm công tác (Điểm a khoản 1 điều 9)																																										
1	Lê Duy Đôn	Nam	29/10/1997	Phó Bí thư Đoàn xã thanh thủy	0.90	2,106	06/2022	01/7/2025		27	7	3	1			3	1	62,338	11,057	6,318	79,713	đo sắp xếp đơn vị hành chính																					
2	Lương Đình Đức	Nam	12/04/1987	Phó Chủ tịch Hội Nông dân thanh thủy	0.9	2,106	04/2023	01/7/2025		38	1	2	3		2	3	45,490	7,898	6,318	59,706	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
3	Lê Công Quang	Nam	07/06/1990	Thủ y thanh son	1	2,340	11/2020	01/7/2025		35	1	4	8		4	8	104,832	17,550	7,020	129,402	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
II	Người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và tuổi có tuổi đời còn dưới 05 năm đến tuổi nghỉ hưu (Điểm b khoản 1 điều 9)																																										
4	Bùi Khắc Lai	Nam	03/07/1964	Văn hoá - xã hội - thông tin - truyền thông	1	2,340	12/2004	01/7/2025	4	60	11	20	7		20	7	7,488	73,710	7,020	88,218	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
5	Lê Văn Hải	Nam	19/05/1967	Phó Chi huy trưởng ban chỉ huy quân sự xã Thanh Sơn	1.2	2,808	11/2010	01/7/2025	47	58	1	14	8		14	8	105,581	63,180	8,424	177,185	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
III	Người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (Điểm c khoản 1 điều 9)																																										
6	Lê Quang Vương	Nam	12/12/1983	Văn hoá - xã hội - thông tin - truyền thông	0.9	2,106	10/2020	01/7/2025		41	6	4	9		4	9	101,088	15,795	6,318	123,201	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
7	Lương Thị Hương	Nữ	25/09/1982	Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ	0.9	2,106	5/2016	01/7/2025		42	9	9	2		9	2	101,088	30,011	6,318	137,417	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
8	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	15/10/1991	Văn thư - Lưu trữ - Thu quỹ; Phó chủ tịch Hội LHPN Thanh Sơn	0.9	2,106	9/2015	01/7/2025		33	8	9	10		9	10	101,088	31,590	6,318	138,996	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
9	Đậu Đình Chức	Nam	23/09/1973	Phó Chủ tịch Hội nông dân Thanh Sơn	0.9	2,106	7/2012	01/7/2025		51	9	13	0		13	0	101,088	41,067.00	6,318	148,473	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
10	Lê Ngọc Chung	Nam	27/07/1982	Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Hải Ninh	1	2,340	6/2007	01/7/2025		42	11	17	9		17	9	112,320	63,180	7,020	182,520	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
11	Hoàng Văn Tuyển	Nam	04/01/1985	Phó Chi huy trưởng Quân sự; Hải Châu	1.3	3,042	8/2018	01/7/2025		40	5	6	11		6	11	146,016	31,941	9,126	187,083	đo sắp xếp đơn vị hành chính																						
IV	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã đủ tuổi nghỉ hưu (Khoản 3 điều 9)																																										
12	Nguyễn Duy Hậu	Nam	10/05/1956	Phó chủ tịch UB MTTQ xã	0.9	2,106	12/2013	01/7/2025		68	8	11	7		11	7	31,590	0	0	31,590	đơn vị hành chính																						
13	Lê Đình Tuấn	Nam	19/12/1958	Phó chủ tịch CCB xã Thanh Sơn	0.9	2,106	4/2017	7/1/2025		66	8	8	3		8	3	31,590	0	0	31,590	đơn vị hành chính																						
14	Nguyễn Đức Trinh	Nam	15/10/1949	Phó chủ tịch CCB phường Hải Châu	1	2,340	11/2023	7/1/2025		75	10	1	8		1	8	35,100	0	0	35,100	đơn vị hành chính																						
15	Mai Viết Quang	Nam	10/12/1959	Phó chủ tịch CCB xã Thanh Thủy	0.9	2,106	4/2017	01/7/2025		65	9	8	3		8	3	31,590	0	0	31,590	đơn vị hành chính																						
NGHI THỜI ĐIỂM 30/5/2026																																										1,803,848.000	
I	Người có dưới 5 năm công tác (Điểm a khoản 1 điều 9)																																										
1	Lê Thị Tường Vi	Nữ	28/08/2001	Phó BT Đoàn	1	2,340	06/01/2025	30/05/2026		24	9	1	5		1	5	31,824	5,265	7,020	44,109																							
2	Lê Thị Hằng	Nữ	10/05/1990	Phó CT hội LHPN	1	2,340	17/06/2016	30/05/2026		36	0	4	10		4	10	108,576	17,550	7,020	133,146																							
3	Đậu Đình Tư	Nam	02/06/1992	Phó BT Đoàn	1	2,340	10/05/2022	30/05/2026		33	11	4	1		4	1	91,728	15,795	7,020	114,543																							
4	Mai Văn Tuấn	Nam	12/09/1997	Phó BT Đoàn	1	2,340	04/08/2021	30/05/2026		28	8	4	10		4	10	108,576	17,550	7,020	133,146																							
II	Người có từ đủ 05 năm công tác trở lên và có tuổi đời từ đủ 05 năm trở lên đến tuổi nghỉ hưu (Điểm c khoản 1 điều 9)																																										
5	Hồ Thị Ngọc	Nữ	23/04/1989	BCT Văn hóa- Xã hội	0.9	2,106	25/10/2010	30/05/2026		37	1	15	8		15	8	101,088	50,544	6,318	157,950																							
6	Lê Công Hanh	Nam	22/02/1984	BCT Văn hóa- Xã hội	1	2,340	30/03/2013	30/05/2026		42	3	13	3		13	3	112,320	47,385	7,020	166,725																							
7	Đình Thị Vân	Nữ	18/10/1979	BCT Văn hóa- Xã hội	1	2,340	18/12/2004	30/05/2026		46	7	21	6		21	6	112,320	75,465	7,020	194,805																							
8	Nguyễn Văn Hùng	Nam	10/10/1971	BCT Văn hóa- Xã hội	0.9	2,106	24/12/2019	30/05/2026		54	7		6		6	6	101,088	20,534	6,318	127,940																							
9	Lê Viết Thảo	Nam	20/08/1992	Phó CH trưởng QS	1.3	3,042	01/11/2018	30/05/2026		33	9	7	7		7	7	146,016	36,504	9,126	191,646																							
10	Phạm Thị Trúc	Nữ	01/06/1988	BCT Văn hóa- Xã hội	1	2,340	20/09/2015	30/05/2026		38	0	10	9		10	9	112,320	35,100.00	7,020	154,440																							
11	Đỗ Viết Đạt	Nam	06/8/1991	Phó CH trưởng QS	1.2	2,808	18/12/2018	30/05/2026		34	9	7	6		7	6	134,784	31,590	8,424	174,798																							
12	Phạm Thị Hồng	Nữ	20/06/1985	Phó BT Đoàn	1	2,340	01/09/2010	30/05/2026		40	11	15	9		15	9	112,320	56,160	7,020	175,500																							
III	Người hoạt động không chuyên trách cấp xã đã đủ tuổi nghỉ hưu (Khoản 3 điều 9)																																										
13	Lê Duy Hòa	Nam	19/05/1965	Phó CT Hội CCB	1	2,340	24/04/2017	30/05/2026		61	0	9	2		9	2	35,100	0	0	35,100																							